UBND HUYỆN MỘ ĐỨC
TRUNG TÂM PT QUỸ ĐẤT

Số: 01/TB-TTPTQĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mộ Đức, ngày 04 tháng 01 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án: Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần, Đoạn qua xã Đức Thắng (Đợt 1)

Căn cứ Quyết định số 2109/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư Dự án: Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1;

Căn cứ Quyết định số 18748/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức về việc phê duyệt Phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án: Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1, đoạn qua xã Đức Thắng (Đợt 1);

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mộ Đức thông báo niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1, Đoạn qua xã Đức Thắng (Đợt 1) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt để người bị thu hồi đất và các đối tượng có liên quan biết, cụ thể như sau:

1. Tên phương án bồi thường: Phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án: Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn IIa, thành phần 1, đoạn qua xã Đức Thắng (Đợt 1).

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

3. Địa điểm niêm yết: Tại Nhà văn hóa thôn Tân Định, thôn An Tỉnh và UBND xã Đức Thắng.

4. Thời gian niêm yết: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 08/01/2022.

5. Nội dung niêm yết: Niêm yết họ và tên, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của từng hộ bị ảnh hưởng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (*có biểu 14 của Phương án đã phê duyệt kèm theo*).

Kết thúc thời gian niêm yết, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Mộ Đức sẽ tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thực hiện chi trả tiền bồi thường theo Quy định.

Nay, thông báo để cho người bị thu hồi đất và các đối tượng có liên quan biết./.

Nơi nhận:
- UBND huyện (b/c);
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi;
- GĐ, Các PGĐ (BT);
- UBND xã Đức Thắng;
- Lưu: HSBT, VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT H. MỘ ĐỨC

Nguyễn Tấn Vĩ

(Biểu số: 14)

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: ĐƯỜNG VEN BIỂN DUNG QUẤT - SA HUỲNH, GIAI ĐOẠN IIA, THÀNH PHẦN 1

(Kèm theo Thông báo số 01/TB-TTPTQĐ ngày 04/01/2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Mộ Đức)

ĐVT: đồng

SốTT	Ông/bà	Họ và tên chủ hộ	Giá trị được bồi thường, hỗ trợ					Tổng cộng
			Đất	Nhà, công trình phục vụ đời sống, sản xuất và công trình khác	Mồ mả	Cây cối hoa màu	Các khoản hỗ trợ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9=4+5+6+7+8
1	Hộ bà	Huỳnh Thị Tuân	15.556.800			435.220	1.725.000	17.717.020
2	Hộ ông	Huỳnh A	70.543.200			1.973.530	16.560.000	89.076.730
3	Hộ ông	Cao Lượng	174.048.000			4.869.200	4.140.000	183.057.200
4	Ông	Lê Khánh Thành đại diện kê khai do cha là ông Lê Sinh đã chết	56.313.600			1.575.440	10.350.000	68.239.040
5	Ông	Lê Minh Nam đại diện kê khai do ông ngoại là ông Nguyễn Cúc đã chết	7.140.000			199.750	1.725.000	9.064.750
6	Hộ ông	Nguyễn Nhạn	64.780.800			1.812.320	6.210.000	72.803.120
7	Hộ ông	Nguyễn Sơn	38.102.400			1.065.960	1.380.000	40.548.360
8	Hộ ông	Nguyễn Văn Hồng	94.836.000			2.653.150	8.280.000	105.769.150
9	Hộ ông	Võ Lợi	203.263.200			5.686.530	4.140.000	213.089.730
10	Ông	Võ Thành Đạt đại diện kê khai do cha là ông Võ Thạnh đã chết	34.876.800			975.720	4.830.000	40.682.520

11	Hộ ông	Huỳnh Văn Công	1.142.400			31.960	2.070.000	3.244.360
12	Hộ bà	Đỗ Thị Bảy	172.737.600			4.832.540	6.210.000	183.780.140
13	Hộ bà	Đỗ Thị Sang	162.103.200			4.535.030	14.490.000	181.128.230
14	Hộ ông	Lê Văn Đức	8.769.600			245.340	1.035.000	10.049.940
15	Bà	Trần Thị Em đại diện kê khai do cha là ông Trần Duân đã chết	54.314.400			1.519.510	8.280.000	64.113.910
16	Hộ ông	Nguyễn Tấn Hiệp	104.160.000			2.914.000	7.245.000	114.319.000
17	Hộ ông	Trần Thanh	136.752.000			3.825.800	4.140.000	144.717.800
18	Ông	Nguyễn Thuận (Đất công ích 5%)	5.384.400			2.410.160		7.794.560
19	Ông	Huỳnh Giao (Đất công ích 5%)	4.246.200			1.900.680		6.146.880
20	Ông	Lê Quang Dung (Đất công ích 5%)	4.125.450			1.846.630		5.972.080
21	Ông	Bùi Bưng (Đất công ích 5%)	3.892.350			1.742.290		5.634.640
22	Ông	Nguyễn Minh (Đất công ích 5%)	3.948.000			1.767.200		5.715.200
23	Bà	Huỳnh Thị Kim Vi (Đất công ích 5%)	2.169.300			971.020		3.140.320
24	Bà	Đinh Thị Xuân Đào (Đất công ích 5%)	1.830.150			819.210		2.649.360
25	Ông	Lê Khánh Thành (Đất công ích 5%)	1.954.050			874.670		2.828.720
26	Ông	Trần Anh Tuấn (Đất công ích 5%)	4.047.750			1.811.850		5.859.600
27	Ông	Đỗ Tấn Lương (Đất công ích 5%)	3.917.550			1.753.570		5.671.120

28	Ông	Bùi Văn Hồng (Đất công ích 5%)	2.063.250				923.550		2.986.800
29	Ông	Cao Văn Minh (Đất công ích 5%)	6.101.550				2.731.170		8.832.720
30	Ông	Cao Thoảng				4.258.000	7.815.460		12.073.460
31	Ông	Nguyễn Mẫu					2.972.960		2.972.960
32	Ông	Lê Mỹ Kim				8.516.000			8.516.000
33	Ông	Lê Lâm				25.548.000			25.548.000
34	Ông	Phạm Sâu				12.774.000			12.774.000
35	Ông	Trần Sự				17.032.000			17.032.000
36	Ông	Cao Bốn				8.516.000			8.516.000
37	Ông	Nguyễn Quốc Việt				8.516.000			8.516.000
38	Ông	Trần Văn Tuyết				29.534.125			29.534.125
39	Bà	Nguyễn Thị Phu				56.520.250			56.520.250
40	Ông	Trần Thanh Vũ				34.064.000			34.064.000
41	Ông	Nguyễn Thuân				26.434.720			26.434.720
42	Ông	Nguyễn Thuật			5.820.800	29.806.000	36.609.005		72.235.805
43	Ông	Trần Đình Hưởn				12.774.000			12.774.000
44	Ông	Lê Tuấn Tuyết					64.980.000		64.980.000
45	Bà	Trần Thị A (con Nguyễn Văn Đông)				4.258.000	22.520.000		26.778.000
46	Ông	Nguyễn Văn Nu				4.258.000			4.258.000
47	Bà	Nguyễn Thị Thê					14.395.000		14.395.000
48	Bà	Lê Thị Niên					2.890.000		2.890.000
49	Ông	Nguyễn Hữu Duẫn				34.064.000	29.557.876		63.621.876

50	Ông	Nguyễn Hữu Duẫn (đại diện kê khai mồ mả)			62.010.390			62.010.390
51	Ông	Nguyễn Xảo			20.439.250	27.020.560		47.459.810
52	Ông	Nguyễn Đi				7.780.000		7.780.000
53	Ông	Lê Quang Cân			12.774.000	9.833.344		22.607.344
54	Ông	Nguyễn Văn Nhảy			9.686.000	5.345.000		15.031.000
55	Ông	Nguyễn Nhường				8.370.000		8.370.000
56	Ông	Trần Văn Triệu				4.450.000		4.450.000
57	Ông	Nguyễn Thị Cho			19.072.500	106.769.063		125.841.563
58	Ông	Nguyễn Văn Chánh				19.405.352		19.405.352
59	Ông	Nguyễn Ánh			4.258.000	1.280.000		5.538.000
60	Ông	Nguyễn Thị Bảy				7.830.000		7.830.000
61	Ông	Trần Văn Này			21.290.000			21.290.000
62	Ông	Võ Kiếm Hải			4.258.000			4.258.000
63		UBND xã Đức Thắng	87.360.000		25.548.000			112.908.000
Tổng Cộng			**1.530.480.000**	**5.820.800**	**496.209.235**	**438.526.619**	**102.810.000**	**2.573.846.654**